

CHƯƠNG TRÌNH “THÁNG TÌM HIỂU VIỆT NAM TRONG TPP”

SEMINAR CHUYÊN ĐỀ 7

CẢI CÁCH THỂ CHẾ KHI HỘI NHẬP TPP

Người trình bày: **PGS. TS. Phạm Duy Nghĩa**¹

Ngày: 31/03/2016

TRAO ĐỔI VÀ THẢO LUẬN

Mở đầu phần trình bày, PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa nhận định rằng TPP là một hiệp định đời mới với các cam kết đồ sộ nếu so với một hiệp định đời cũ là WTO. Tuy vậy, TPP còn chờ nghị viện các nước thành viên thông qua, nghị sĩ các nước có quyền lực thực sự và có thể sẽ phản đối nên vẫn tồn tại khả năng TPP chưa thể có hiệu lực. Các nội dung được trình bày tập trung vào những vấn đề sau: Ai sẽ được lợi từ TPP và các Hiệp định tự do thương mại (FTAs) đời mới? Cải cách thể chế: Vì sao và phải làm gì? Ai cản trở cải cách thể chế ở Việt Nam? Những định hướng cải cách thể chế cơ bản.

Để biết liệu TPP có giúp Việt Nam cải cách thể chế hay không, chúng ta cần nhìn lại kết quả cải cách sau gần 10 năm gia nhập WTO. Theo nhận định của PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa, 10 năm gia nhập WTO đã không giúp Việt Nam cải cách thể chế đáng kể. Nếu ví thể chế như một ngôi nhà, thì WTO chỉ giúp thay đổi nước sơn, còn cấu trúc và nền móng ngôi nhà không đổi. Ngôi nhà ấy ngày càng thêm vững chãi cho những người kiểm soát quyền lực và ngày càng khó cho những người khó khăn tiệm cận đến các nguồn lực quốc gia. Trong 10 năm mở cửa, Việt Nam tập trung thu hút vốn đầu tư nước ngoài FDI (từ bản nước ngoài), các doanh nghiệp này được nhiều ưu đãi, khai thác hết những nguồn tài nguyên quốc gia, trở nên giàu có và đẩy các doanh nghiệp dân doanh trong nước (từ bản Việt) vào tình thế khó khăn. Trong khi đó, Trung Quốc đã sử dụng WTO như một động

¹ Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế TP HCM; Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright.

lực từ bên ngoài để có thể cải cách thể chế trong nước và cất cánh về mặt kinh tế. Sự khác biệt trong tác động của hiệp định WTO đến Việt Nam và Trung Quốc được thể hiện rõ qua so sánh về GDP bình quân đầu người trong suốt giai đoạn 1990 – 2013. Xuất phát điểm vào những năm 1979-1980 và thậm chí đến năm 1990, Việt Nam và Trung Quốc có GDP bình quân đầu người thấp ngang nhau. Nhưng hiện nay, GDP bình quân của TQ đã đạt gần 12.000USD/người trong khi Việt Nam chỉ hơn 5.000USD/người². Đặc biệt từ năm 2007 trở đi, GDP bình quân người bắt đầu có sự gia tăng mạnh mẽ, vượt xa so với Việt Nam. Vậy, rõ ràng WTO không giúp giải phóng nguồn lực ở Việt Nam như ở Trung Quốc. Cải cách thể chế của Trung Quốc là một điểm quan trọng giúp nền kinh tế quốc gia này cất cánh, trở thành nền kinh tế đứng đầu thế giới. Như vậy, WTO đã giúp cải cách thể chế của Trung Quốc như thế nào? Tại sao họ có thể sử dụng áp lực bên ngoài để cải cách bên trong trong khi Việt Nam thì không? Những điểm quan trọng về thể chế mà Việt Nam chưa học hỏi được từ Trung Quốc được cho là: chế độ sở hữu, đội ngũ quan chức, chính sách kinh tế (đặc biệt là chính sách công nghiệp) và cách Trung Quốc sử dụng vốn đầu tư nước ngoài có lợi cho doanh nghiệp Trung Quốc. So sánh kết quả 10 năm sau khi gia nhập WTO về GDP bình quân đầu người tính theo nguyên tắc PPP giữa Việt Nam với các nước láng giềng như Trung Quốc, Indonesia và Ấn Độ cho thấy Trung Quốc có mức tăng GDP/người mạnh mẽ nhất, kế đó là Indonesia, riêng Ấn Độ có sự tăng trưởng ngang với Việt Nam. Vậy, độc đảng không phải nguyên nhân khiến kinh tế không phát triển được, vì quốc gia đơn đảng như Trung Quốc rõ ràng phát triển nhanh hơn nhiều so với quốc gia đa nguyên, dân chủ và tự do báo chí như Ấn Độ. Indonesia là nền kinh tế mang tính chất tư bản thân hữu, cũng đã phát triển khá tốt và còn nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai nhờ những cải cách mạnh mẽ về thể chế. Việt Nam những năm 2000 là giai đoạn dân số vàng, lực lượng lao động dồi dào cùng với việc khai thác tài nguyên đã giúp tăng trưởng kinh tế tương đối cao. Cần lưu ý những điểm này để thấy rằng tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn vừa qua không chỉ do kết quả của cải cách thể chế. Vì vậy, Việt Nam được xác định là đã và đang phát

² Nguồn: diễn giả trích từ *World Development Indicators*

triển dưới tiềm năng rất nhiều. Trong khi đó, những ưu thế về tài nguyên lao động, khoáng sản của Việt Nam sẽ dần hết trong thời gian tới, thêm vào đó tình trạng biến đổi khí hậu cũng sẽ gây khó khăn thêm cho nền kinh tế. Do đó, nếu không thúc đẩy cải cách về thể chế thì kinh tế Việt Nam sẽ khó phát triển.

Một vấn đề quan trọng khác khi xem xét lợi ích từ các FTA đời mới là mở cửa đã giúp tư bản nước ngoài đẩy lùi tư bản Việt rất nhanh, cụ thể là tỷ trọng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam đã tăng lên nhanh chóng từ 1,4% năm 1986-1990 lên 47,3% vào 2011-2013. Sự chèn lấn của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lên khu vực kinh tế trong nước rất lớn, cụ thể số liệu cho thấy trong năm 2015, cứ 10 đồng giá trị xuất khẩu thu được thì khu vực FDI nhận được 7 đồng, khu vực kinh tế trong nước chỉ nhận được 3 đồng. Như vậy khi mở cửa, khu vực đầu tư nước ngoài đã chiếm hết những lợi thế mại dựa trên sử dụng nguồn lao động, tài nguyên giá rẻ và các ưu đãi thuế quan tại Việt Nam. Trong khi đó, các đóng góp thực sự như thuế thu nhập là chưa chắc chắn, thể hiện qua việc các tập đoàn nước ngoài lớn liên tục báo lỗ trong suốt thời gian hoạt động tại Việt Nam. Như vậy, việc mở cửa khuyến khích FDI, tự do thương mại đã tạo thay đổi thể chế pháp luật và cải cách hành chính cho Việt Nam. Tuy nhiên, Việt Nam không sử dụng được sức ép từ gia nhập WTO để thay đổi luật chơi cho nền kinh tế trong nước, không tạo được áp lực giúp các doanh nghiệp trong nước thay đổi và tăng khả năng cạnh tranh.

PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa đưa ra một số cảnh báo về những khó khăn trong tương lai là các tài nguyên con người, thiên nhiên, nguồn vốn đang cạn kiệt dần và đang quay lại tác động xấu đến hoạt động kinh tế, điển hình là tình trạng biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn gần đây. Thêm vào đó, bối cảnh địa chính trị đang trở nên khó lường, Trung Quốc một mặt thỏa thuận hợp tác, một mặt liên tục đe dọa biển Đông. Cải cách trong nước trở nên khó khăn hơn rất nhiều vì quyền lợi của tư bản thân hữu đang ngày càng gắn chặt với lợi ích của những người có quyền lực, do vậy rất nhiều người không muốn sự thay đổi. Trong khi đó luật chơi mới từ các FTA trở nên tinh vi, khắt khe hơn. WTO mang tính tự do hóa thương mại, trong khi TPP được coi là một hiệp định đời mới vì vượt xa tính chất thương

mai, thúc đẩy các cam kết đằng sau đường biên giới, bảo đảm sự điều tiết nhất quán của nhà nước, các cơ chế tài phán hành chính, các quyền của người lao động, tiêu chuẩn khắt khe hơn. Tuy vậy, về cơ bản những chế tài đối với các hành vi không tuân thủ còn yếu nên có thể vẫn chưa trở thành sức ép lớn đến cải cách thể chế ở Việt Nam. Một số điều luật chưa hẳn đã có thể phát huy hiệu lực trên thực tế, chẳng hạn như các điều luật về quyền của giới thợ, vì suy cho cùng các quốc gia tư bản vẫn chú trọng bảo vệ quyền lợi của giới tư bản. Một điểm đáng lưu ý là các quy định mở cửa chỉ tiến không lùi, nghĩa là một khi đã cam kết giảm thuế thì chỉ có thể tiếp tục giảm thuế hơn nữa chứ không thể tăng; Các quốc gia cũng chỉ quy định một số những lĩnh vực cụ thể miễn trừ khỏi các quy định TPP, các vấn đề còn lại đều phải thực hiện theo hiệp định này; Cơ chế giải quyết tranh chấp, quyền tài phán sẽ được chuyển từ những tòa án trong nước sang nước ngoài; Các quy định sẽ khắt khe hơn về các tiêu chuẩn kỹ thuật, sở hữu trí tuệ, đầu thầu.

Trong bối cảnh đó, rất cần thiết phải cải cách thể chế để tạo động lực mới cho nền kinh tế. Trước năm 2000, không ai biết đến các thương hiệu của Trung Quốc cũng như không thể có một người ngoại quốc tham dự điều hành một doanh nghiệp quốc hữu của Trung Quốc. Nhưng từ sau năm 2000, Trung Quốc với sự tham gia hội nhập đã ép các tập đoàn nhà nước theo hướng minh bạch, buộc phải niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán HongKong, Singapore và quản trị theo chuẩn mực của các tổ chức này nhằm đảm bảo lợi ích của nhà đầu tư. Về sở hữu đất đai, Trung Quốc tuyên bố rất rõ đất đô thị thuộc sở hữu nhà nước và đất ở các làng xã thuộc về chính làng xã đó – những ai có hộ khẩu ở các làng xã này thì sẽ gắn liền với các phúc lợi, quyền sở hữu đất đai tại làng xã. Như vậy, Trung Quốc đã áp dụng mô hình quản lý công ty cổ phần cho việc quản lý các làng xã. Đảng cộng sản Trung Quốc cũng đã chuyển đổi dần từ Đảng của giai cấp công nông sang hội tụ những giới tinh tú của Trung Quốc, phần lớn đại diện cho giới chủ, trung lưu, trí thức ở đô thị, đã dẫn dắt tạo ra sự thay đổi cho đất nước này. Về quy hoạch địa giới hành chính, Việt Nam tuy nhỏ nhưng có 64 tỉnh thành trong khi Trung Quốc rộng lớn chỉ có 34 tỉnh. Sự cạnh tranh giữa các địa phương và quản lý tập trung đã giúp thúc đẩy sự phát triển của Trung Quốc. PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa nhấn mạnh rằng những điều kiện để cải cách thể chế tạo động

lực mới là chế độ sở hữu phải rõ ràng (bảo hộ tư hữu), thượng tôn pháp luật (pháp luật của Trung Quốc được thực hiện nghiêm hơn ở Việt Nam), chính quyền minh bạch, trách nhiệm giải trình và thể chế dung hợp đem lại lợi ích hài hòa cho các giai tầng khác nhau trong xã hội. Thể chế đảm bảo các điều kiện này là những thể chế đi lên, thúc đẩy sự phát triển. Ngược lại là những thể chế tạo điều kiện cho sự bóc lột, kéo nền kinh tế đi xuống. Cải cách thể chế về cơ bản là sử dụng những thời điểm có tính bước ngoặt để cải cách bên trong. Nếu TPP có thể giúp cải cách Việt Nam theo thể chế đi lên thì mới có thể tạo động lực cho phát triển kinh tế.

Những nhiệm vụ cải cách trước mắt để tạo động lực cho phát triển là cải cách pháp luật và nền quản trị quốc gia. Thứ nhất, cần phải cải cách luật pháp. Thống kê số văn bản cho thấy số lượng các văn bản dưới luật liên tục tăng, vượt xa số lượng các điều luật do Quốc hội ban hành. Năm 2014, có 29 luật được ban hành thì có đến 496 thông tư và 3930 văn bản điều hành. Điều này cho thấy luật do Quốc hội phê duyệt không có giá trị đáng kể, luật được áp dụng hàng ngày cho người dân và doanh nghiệp là do cơ quan hành chính trung ương và địa phương ban hành. Như vậy, quyền làm luật đang được giao cho các công chức và lãnh đạo trong các cơ quan chấp pháp. Đây là vấn đề không bình thường, dẫn đến sự tùy tiện, thiếu minh bạch. Vì luật khi được thông qua ở quốc hội sẽ được thảo luận công khai và thu được nhiều ý kiến tranh luận, đảm bảo hiệu quả. Còn ở đây, luật pháp phụ thuộc vào các quan chức, những ai không tiếm cận được với nguồn thông tin từ các văn bản điều hành thì không thể xây dựng và phát triển hoạt động kinh doanh, do đó chỉ tạo điều kiện làm giàu cho nhóm tư bản thân hữu. Đây là vấn đề quan trọng cần được điều chỉnh để có thể cải cách thể chế. Thứ hai, cần cải cách quản trị nhà nước. Thống kê chỉ số quản trị toàn cầu cho thấy, về tiếng nói của người dân, Việt Nam chỉ được 7 điểm trên thang điểm 100 vì thực tế người dân chưa có tiếng nói, chưa thể tự bầu ra người đứng đầu địa phương mình. Chỉ số về trách nhiệm giải trình cũng chưa cải thiện đáng kể trong vòng 10 năm qua, những người ra quyết định sai hầu như không phải chịu trách nhiệm cá nhân. Việc phân bổ nguồn lực cho các tổ chức không phụ thuộc vào năng lực cạnh tranh mà phụ thuộc vào quan hệ, do đó khuyến khích sự vô trách nhiệm và ngăn cản người dân có tiếng nói. Chất lượng điều

hành văn bản pháp luật của Việt Nam còn thấp và không cải thiện trong suốt 10 năm qua. Chất lượng hệ thống công chức cũng được đánh giá không cao. Một trong những lý do quan trọng là Việt Nam phân quyền tuyển dụng công chức đến từng địa phương nên việc tuyển dụng chịu ảnh hưởng nhiều bởi quan hệ mà không tuyển được người thực tài. Trong khi đó, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc vẫn tổ chức kỳ thi tuyển công chức quốc gia hàng năm rất nghiêm ngặt để tuyển dụng những người thực sự có năng lực. Trung Quốc có những chiến lược rất tốt về kinh tế, quân sự là nhờ công chức của họ là những người tinh tú nhất.

Vậy, Việt Nam phải cải cách thể chế như thế nào để có thể hưởng lợi từ TPP? Khẩu hiệu của Việt Nam là “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh”. PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa diễn giải rằng “dân giàu” là phải phát triển giới doanh nghiệp Việt Nam, giai cấp trung lưu người Việt, có thể tạo việc làm tốt, tăng năng suất lao động và tăng thu nhập người dân. “Nước mạnh” là nhà nước phải làm đúng việc, có hiệu lực, hiệu quả, bảo vệ được sự độc lập của Việt Nam. “Xã hội dân chủ, công bằng và văn minh” là phúc lợi được chia sẻ hài hòa, bảo vệ quyền lợi giới thợ, đảm bảo an sinh cho người bị thiệt thòi để tránh sự bần cùng hóa giai cấp vô sản dẫn đến các cuộc cách mạng vô sản như từng xảy ra trong lịch sử. Như vậy, cải cách thể chế kinh tế cần thực hiện theo hướng tư bản Việt phải được bảo hộ hiệu quả, tư hữu minh bạch. Nhà nước phải đảm bảo quyền tự do kinh doanh, cạnh tranh, để các nguồn lực kinh tế được phân bổ theo nguyên tắc thị trường và chú ý đến lợi ích của những người thiệt thòi.

Theo PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa, nhà nước hiện nay chưa làm đúng việc mà còn quá chú trọng đến kinh doanh, thể hiện ở việc tồn tại quá nhiều doanh nghiệp nhà nước mà đa phần là doanh nghiệp kém hiệu quả. Nhà nước cần giảm dần quy mô doanh nghiệp nhà nước, chỉ tập trung vào hoạt động quản lý. Chúng ta có thể hy vọng TPP sẽ thúc ép nhà nước làm đúng chức năng. Tuy nhiên, điều luật về doanh nghiệp nhà nước trong TPP vẫn còn hạn chế, chỉ quy định ở những doanh nghiệp lớn cấp trung ương, do đó không tạo được sức ép lớn, chỉ cần nhà nước có thay đổi nhỏ về tỷ lệ sở hữu, sắp xếp lại là đã có thể tuân thủ các

quy định trong TPP. Một hạn chế khác là nhà nước Việt Nam đã bị cát cứ quá mức, phân tán thành nhiều quyền lực cạnh tranh với nhau, do đó cần được tổ chức lại để điều hành nhất quán và tập trung hơn. Chẳng hạn, Quốc hội hiện có 63 đoàn đại biểu đại diện cho 63 tỉnh thành. Mỗi đoàn chỉ chú trọng đến lợi ích của địa phương mình, quốc hội trở thành tỉnh hội, cho thấy các thiết chế đại diện cho quốc gia còn yếu. Bên cạnh đó, cát cứ trong quy hoạch dẫn tới hiệu quả quản lý đầu tư công thấp khi chi tiêu công ở cấp tỉnh chiếm đến 70%. Chính phủ có đến 22 bộ, các tập đoàn và tổng công ty can thiệp vào quá trình ban hành chính sách dẫn tới cát cứ theo ngành nghề. Bên cạnh đó, nền công vụ Việt Nam còn thiếu chuyên nghiệp do chế độ quản lý nhân sự không rành mạch và công chức thiếu năng lực. Đảng đang quản lý cả những nhân sự của chính quyền, thiếu sự tách bạch giữa hành pháp chính trị và hành chính công vụ. Số liệu cho thấy hiện chỉ có trên 275 ngàn công chức hành chính trong 2,5 triệu cán bộ công chức đương nhiệm của hệ thống chính trị, khiến lương công chức hiện rất thấp. Hơn nữa, nhân sự được điều chuyển, bổ nhiệm dưới sự chỉ đạo của Đảng mà không chịu ảnh hưởng bởi tác động của người dân, do đó công chức không có trách nhiệm giải trình hay ý thức phụng sự người dân.

Từ những nội dung trình bày trên, PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa dự báo rằng cải cách thể chế ở Việt Nam sau khi gia nhập TPP rất khó, vì hai lý do sau:

Thứ nhất, ý thức hệ tư tưởng Xô viết tồn tại từ thời bao cấp tiếp tục được duy trì và đẩy lùi cải cách. Việt Nam vẫn chưa công nhận vai trò đầu tàu của kinh tế tư nhân Việt Nam, chưa dám nói đến giới chủ - giới thợ, chưa nói đến nhà nước, quốc hội chuyên nghiệp và thể chế chính trị xã hội tách biệt với nền hành chính. Để thúc đẩy cải cách, chúng ta cần phải thừa nhận rằng kinh tế tư bản quốc nội là trụ cột cho nền kinh tế, hình thành dựa trên quyền tư hữu chắc chắn và nguyên tắc cạnh tranh khốc liệt, cần lấy thị trường làm nguyên tắc phân bổ các nguồn lực kinh tế.

Thứ hai, lực cản từ nền kinh tế thân hữu và đầu tư nước ngoài quá lớn trong khi tiếng nói của người dân còn hạn chế. Việt Nam đã tới lúc phải cải cách chính trị và quản trị nhà nước để chủ động ứng phó với các hiệp định tự do thương mại đời mới. Các cải cách cần thiết

là: Thực thi quyền được biết, được tham gia, được có tiếng nói của người dân và doanh nghiệp trong kiểm soát ngân sách, đầu tư công; Xác lập trách nhiệm giải trình về chính trị, hành chính và pháp lý của công chức, lãnh đạo và cơ quan nhà nước. Mỗi cá nhân đều phải chịu trách nhiệm cho các quyết định, kết quả công việc của mình; Nhà nước cần làm đúng việc, xác định ưu tiên của các quyền lực, phân quyền và chế ước giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp để thúc đẩy nền kinh tế phát triển dựa trên tự do.

THẢO LUẬN

Một khách mời đặt câu hỏi về việc tại sao chức năng cải cách thể chế lại được gán cho WTO? PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa cho rằng đây có thể coi như một hiệu ứng vì về cơ bản WTO là một văn bản luật. Việc gia nhập WTO là nhằm được giảm thuế xuất khẩu và giúp tăng khả năng xuất khẩu của hàng hóa Việt Nam. Để được như vậy, Việt Nam cũng phải cam kết mở cửa cho hàng hóa nước ngoài, từ đó tạo ra sức ép để thúc đẩy cải cách trong nước. Nhưng nhìn lại, chúng ta có thể thấy thị trường đã được mở cửa rộng rãi, các doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập các bệnh viện, trường học tư thục cũng như hệ thống bán lẻ nhưng vẫn chưa giúp thúc đẩy cải cách thể chế trong nước.

Khách mời khác quan tâm đến vấn đề chịu trách nhiệm trước các quyết định sai lầm. Chẳng hạn, giá trị thiệt hại từ Vinashin tương đương với 800 ngàn chiếc tàu cao tốc tác chiến ven biển, cơ quan Đảng chịu trách nhiệm thế nào về việc này? Theo PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa, Điều 4 Hiến pháp có quy định về trách nhiệm của Đảng trước các quyết định chính trị. Tuy vậy, điều quan trọng là sự chính danh thông qua lãnh đạo thực tế. Chỉ cần Đảng lãnh đạo tạo đủ việc làm cho những người lao động hàng năm, tạo ra tăng trưởng kinh tế, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia,... thì quyền lực của Đảng vẫn sẽ đảm bảo. Nếu không đảm bảo được những vấn đề này thì khó có thể tạo được sự ổn định, giữ vững sự lãnh đạo chính danh của Đảng, đó chính là sự chịu trách nhiệm của Đảng.

Cho rằng diễn giả đã nhận định quá bi quan về cải cách thể chế của Việt Nam sau khi gia nhập TPP, một khách mời hy vọng rằng những cam kết trong TPP có sự ràng buộc chặt

chẽ, cam kết cụ thể hơn nên có thể sẽ ép thể chế Việt Nam phải thay đổi. Chẳng hạn, cơ quan thuế TP.HCM ngày nay phục vụ rất tốt, không còn thái độ quan liêu như trước đây. Điều này cho thấy khả năng cải thiện của hệ thống công vụ Việt Nam, do đó chúng ta có thể hy vọng với TPP và sự tham gia của thể hệ lãnh đạo mới, nền hành chính công có thể được cải thiện tốt hơn. PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa đồng ý rằng đã có sự cải thiện trên một số chiều quản trị hành chính quốc gia. Hành chính công rõ ràng đã có những thay đổi, trong đó nền hành chính phía Nam tốt hơn nền hành chính phía Bắc, có thể so sánh trực tiếp giữa công tác tiếp dân của UBND quận 1, TP.HCM và quận Ba Đình, Hà Nội để thấy điều này. Tuy nhiên, về tổng thể vẫn còn nhiều vấn đề chưa được cải thiện như tính không chắc chắn trong quyền sở hữu đất đai và cơ chế xác định giá đất, sự thiếu minh bạch thông tin về nợ vay và cơ chế phân bổ ngân sách,....

Với mỗi cá nhân, có thể làm gì để góp phần tạo ra những thay đổi tích cực cho thể chế trong giai đoạn tới? Chia sẻ với mỗi quan tâm này, PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa cho rằng một số vấn đề mà cá nhân có thể tham gia để tạo sự thay đổi tích cực cho thể chế là: *Thứ nhất*, chúng ta cần phải thay đổi dần tư duy, tập dần luật chơi của những nước văn minh. Đối với sinh viên, cần học không vì điểm mà để thể hiện nhân cách, cái tôi của mình, khai thác người thầy để thỏa mãn trí tò mò và phát triển nhân cách của mình. Trường học cũng phải thay đổi để chịu trách nhiệm gần hơn với các tác nhân khác nhau trong xã hội, bao gồm người học, phụ huynh và cộng đồng. Chẳng hạn, các giáo trình sử dụng trong giảng dạy phải là giáo trình của những quốc gia hàng đầu trong mỗi lĩnh vực để tiệm cận dần với tri thức thế giới. *Thứ hai*, mỗi cá nhân cần phải nói lên tiếng nói của mình trước các quyết định không hợp lý của chính sách, tham gia rộng rãi hơn vào các vấn đề chung của quốc gia và thúc đẩy nhà nước làm đúng việc, qua đó từ từ thực hiện cải cách thể chế từ dưới lên. Người dân đóng thuế và có quyền yêu cầu nhà nước bảo vệ quyền lợi của mình. Chẳng hạn, các cá nhân có quyền yêu cầu chính quyền giải trình rõ việc chặt hạ 30 cây xà cừ ở TPHCM do ai quyết định và mục đích để làm gì; các hoạt động trị an không thể giao cho dân phòng hay các hiệp sĩ đường phố mà đó là việc của nhà nước; nghĩa vụ đăng ký điện

địa là của nhà nước, nhà nước phải thông tin cho người dân về việc sở hữu đất đai vì quyền sở hữu đã tồn tại từ nhiều đời, không phải đợi người dân yêu cầu mới cấp sổ đỏ;...

Một khách mời hiện đang làm việc tại doanh nghiệp cho rằng không phải tự nhiên các doanh nghiệp nước ngoài có thể chèn lấn các doanh nghiệp trong nước, mà vì họ có quyền sở hữu trí tuệ được bảo vệ tốt. Trong khi đó, Việt Nam từ nhiều năm nay đã hạn chế sự sáng tạo, các ý tưởng và sáng kiến thường bị chính trị hóa, do đó doanh nghiệp trong nước không xây dựng và bảo hộ được quyền sở hữu trí tuệ. Hiệp định TPP bàn nhiều đến vấn đề sở hữu trí tuệ, khách mời muốn tìm hiểu thêm về khả năng làm chủ trí tuệ của các doanh nghiệp Việt Nam để có thể tồn tại được khi hội nhập. PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa đồng tình với nhận định này và chia sẻ thêm rằng các sáng chế bản quyền chủ yếu thuộc về người Mỹ vì họ rất chú trọng điều này do ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng cạnh tranh, quyền lợi của họ, người Việt chỉ tham gia ở những khâu gia công, có rất ít tên tuổi trên thị trường thế giới. Như với cà phê, tuy là một trong những nước xuất khẩu hàng đầu nhưng Việt Nam hầu như chưa có thương hiệu cà phê nào trên thị trường thế giới. Luật pháp Việt Nam bảo hộ thương hiệu chưa hiệu quả. Việt Nam cũng như Trung Quốc thường chỉ học theo các bí quyết kinh doanh, công nghệ của các nước phát triển. Sau khi gia nhập WTO, việc chuyển giao công nghệ được thúc đẩy và trình độ của người Việt đã dần được nâng cao. Nhưng người Việt Nam không biết đầu tư, càng chưa biết cách bảo hộ sở hữu trí tuệ nên thường bị mất quyền sở hữu. Luật sáng chế của Việt Nam chủ yếu bảo hộ các sáng chế của nước ngoài, trong 1000 đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ thì chỉ có 2 đăng ký của Việt Nam. Các doanh nghiệp Việt Nam cần tận dụng những lợi ích lan tỏa công nghệ từ các doanh nghiệp FDI, từ từ có thể áp dụng và xây dựng quyền sở hữu trí tuệ của mình. Trung Quốc cũng đã dần dần xây dựng được các trường đại học đẳng cấp quốc tế, khuyến khích được các sáng chế tư nhân. Sở hữu trí tuệ chỉ có thể phát triển được nếu nhà nước công nhận sự đa dạng, tính sáng tạo của các cá nhân. So sánh giữa Nguyễn Hà Đông với Flappy bird và Mark Zuckerberg với Facebook sẽ thấy được điều này. Sự sáng tạo và độ tuổi của hai cá nhân này tương tự nhau nhưng sự khác nhau về thể chế quốc gia khiến một bên buộc phải dừng lại sau 8 ngày hoạt động thành công trong khi một bên phát triển mạnh mẽ trên toàn cầu.

Trước nhận định về tương lai không tươi sáng khi gia nhập TPP tương tự như kết quả của 10 năm gia nhập WTO, một khách mời băn khoăn rằng phải làm sao để thay đổi tầm nhìn của người Việt Nam, từ đó thay đổi thể chế Việt Nam? Theo PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa, thực ra xã hội đã thay đổi nhiều theo hướng dân chủ hơn, tuy nhiên khi hội nhập, lợi ích vẫn thuộc về những quốc gia có quyền lực và tài chính, nghĩa là vẫn có một tầng lớp lãnh đạo, bóc lột đa số còn lại. Chỉ khi nào xã hội tạo điều kiện cho mọi người cạnh tranh, sáng tạo và tiệm cận được các nguồn lực thì mới có thể phát triển được. Tuy vậy, chỉ có rất ít quốc gia trên thế giới đạt được điều này, như Nhật, Hàn, Đài Loan,... còn đa phần đều có thể chế chính trị xã hội không thay đổi, đặc biệt là các nước Xô Viết. TPP có thể là một cơ hội mấu chốt để thay đổi, nhưng về tổng thể TPP vẫn không thể tạo ra một cơ chế phân phối dựa trên cạnh tranh mà vẫn dựa trên thân hữu, quan hệ. Do vậy, Việt Nam có thể rơi vào tình trạng của Philippin thế kỷ 20, có thể các quy định luật pháp về dân chủ vẫn được xây dựng đầy đủ nhưng dân vẫn không thực sự làm chủ, tiền mới là chủ. Chẳng hạn, mặc dù có quyền tự do báo chí nhưng các tờ báo cũng phải lệ thuộc vào những người trả tiền và tiền từ quảng cáo. Do vậy, Ấn Độ cũng là quốc gia dân chủ nhưng chưa chắc đã thực sự dân chủ. Trong khi đó, Nhật, Hàn, Đài Loan lại có thể vượt qua những trở ngại đó để trở thành các thể chế dân chủ thực sự. PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa nhận định rằng các xã hội Khổng giáo dường như tạo thế mạnh rất lớn để thúc đẩy các nước Đông Á cất cánh. Khổng giáo cũng có thể được xem là một thể chế phi chính thức, có vai trò rất lớn trong việc xây dựng giới quan chức liêm khiết, tự trọng như ở Singapore. Không nhất thiết phải là xã hội dân chủ hay đa đảng như Thái Lan, mà một xã hội có tôn ti trật tự, có thể chế chính thức, giúp cho người dân kinh doanh an toàn sẽ đảm bảo cho sự phát triển. Đề tài nghiên cứu thú vị được gợi ý cho khách mời có quan tâm đến chủ đề này là sự hình thành chủ nghĩa tư bản với sự hỗ trợ của Khổng giáo hay vai trò của Khổng giáo ở các quốc gia Đông Á.

Thứ năm, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thư ký Seminar

Doãn Thị Thanh Thủy